

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính Quý 3 năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÍ III		Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay (15 Công ty)	Năm trước (13 Công ty)	Năm nay (15 Công ty)	Năm trước (13 Công ty)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		418,879,169,010	531,130,494,540	1,746,720,898,760	1,938,191,038,686
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		154,145,406	3,522,731,489	1,178,454,301	12,278,068,912
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.19	418,725,023,604	527,607,763,051	1,745,542,444,459	1,925,912,969,774
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.20	341,038,814,997	439,760,654,160	1,477,292,377,139	1,635,464,832,344
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		77,686,208,607	87,847,108,891	268,250,067,320	290,448,137,429
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.21	1,958,357,631	4,730,646,237	8,457,718,585	20,528,152,414
7. Chi phí tài chính	22	VI.22	41,923,175,000	57,814,338,958	179,551,344,257	200,746,745,094
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		40,604,233,242	54,561,408,367	174,078,599,681	164,265,372,436
8. Chi phí bán hàng	24	VI.23	4,586,949,744	7,493,376,452	13,123,256,948	20,645,813,220
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.24	17,995,618,586	26,411,594,397	63,490,391,397	73,505,810,121
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		15,138,822,908	858,445,321	20,542,793,303	16,077,921,408
11. Thu nhập khác	31	VI.25	4,660,945,845	3,282,925,579	20,791,590,945	6,410,176,513
12. Chi phí khác	32	VI.26	4,459,775,840	1,945,781,114	18,447,615,077	4,677,359,603
13. Lợi nhuận khác	40		201,170,005	1,337,144,465	2,343,975,868	1,732,816,910
14. Phần lợi nhuận (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh			(1,044,289,701)	(263,530,683)	(3,627,505,774)	(361,510,417)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14,295,703,212	1,932,059,103	19,259,263,397	17,449,227,901
16.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		1,902,252,034	275,009,097	3,356,054,059	2,354,178,026
16.2 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	7,804,044	(792,755,303)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		12,393,451,178	1,657,050,006	15,895,405,293	15,887,805,178
17.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số			740,169,103	175,194,423	(758,539,088)	1,777,959,146
17.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ			11,653,282,075	1,481,855,583	16,653,944,381	14,109,846,032
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu của Công ty mẹ	70	VI.27	323	47	475	451

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Bình Dương, ngày 10 tháng 11 năm 2012

Tổng Giám đốc

Đỗ Ngọc Nam

Nguyễn Ngọc Lễ

Võ Trường Thành